TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HS-ST.
Ngày: 21-03-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lường Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Linh - Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Phổng Lăng, huyện Thuận Châu và ông Lò Văn Quốc - Cán bộ hưu trí xã Phổng Lăng, huyện Thuận Châu.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà*:** Ông Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 21-03- 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2018/HSST ngày 23-02-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST-HS, ngày 09-3-2018 đối với bị cáo:

Lường Văn N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 31-3-2000 tại xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú : Bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông : Lò Văn Đ (bố dượng), sinh năm : 1972 và bà : Lường Thị M, sinh năm: 1982; Tiền sự : Không; Tiền án : Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-12-2017 cho đến ngày 13-12-2017 được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

**** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lường Văn N:*** Chị **Lường Thị M**; Sinh năm: 1982; Nơi cư trú : Bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn N :*** Ông **Lường Văn H** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

1. Anh **Lò Văn L;** Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Bản S, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông **Quàng Văn B**; Sinh năm 1960; Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

**** Người làm chứng :***

1. Chị **Cà Thị D**; Sinh năm : 1974; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị **Lò Thị N**; Sinh năm : 1978; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

**** Người phiên dịch cho người đại diện hợp pháp của bị cáo Lường Văn N chị Lường Thị M :*** Anh **Lò Văn I;** Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09-12- 2017, Công an xã Chiềng Ngàm nhận được tin báo của anh Lò Văn L, sinh năm 1981, trú tại: Bản S, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La bị mất trộm 01 chiếc xe mô tô 02 bánh loại xe nữ không có BKS, nhãn hiệu DETECH và tin báo của ông Quàng Văn B, sinh năm 1960, trú tại bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La về việc bị mất trộm 01 chiếc thuyền máy Cole nhãn HONDA GX 160 phân khối. Ngay khi nhận được tin, Công an xã Chiềng Ngàm đã tổ chức lực lượng truy tìm, đến khoảng 05 giờ sáng cùng ngày thì phát hiện Lường Văn N, sinh năm 2000, trú tại: Bản N, xã C, huyện T đang ngủ trên chiếc thuyền của ông B cùng chiếc xe máy của anh L, tổ công tác đã tạm giữ tang vật và đưa Lường Văn N về trụ sở UBND xã C để làm việc. Vật chứng thu giữ gồm:

1. 01 (một) xe mô tô 02 bánh loại xe nữ không có BKS, nhãn hiệu DETECH, không rõ số khung, số máy đã qua sử dụng cũ;

2. 01 (một) chiếc thuyền bằng kim loại được gắn một động cơ đẩy nhãn hiệu HONDA GX160.

Ngày 10-12-2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu xác định giá trị chiếc thuyền mà Lường Văn N trộm cắp của ông Quàng Văn B có giá trị là 6.500.000đ và xác đinh giá trị của chiếc xe mô tô không có BKS, nhãn hiệu DETECH, không rõ số khung, số máy mà Lường Văn N trộm cắp của anh Lò Văn L có giá 800.000đ.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu Lường Văn N khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 08-12-2017, Lường Văn N đi bộ một mình từ bản N, xã B, huyện T đến bản S, xã B, huyện T với mục đích tìm xem nhà nào có tài sản sơ hở thì trộm cắp. N đi đến nhà anh Lò Văn L thì phát hiện một chiếc xe mô tô đang dựng trên sân nhà, quan sát thấy cổng nhà anh L đang mở, không có ai ở nhà nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. N đã dùng chân đạp khởi động xe (do chiếc xe mô tô đã cũ, không có ổ khóa mà được đấu điện trực tiếp nên N không cần dùng chìa khóa để mở). Sau đó N đã điều khiển

chiếc xe máy vừa trộm cắp được về nhà ở bản N, xã C huyện T. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, N điều khiển xe đến khu vực bản N, xã C huyện T thì phát hiện 01 một chiếc thuyền máy của ông Quàng Văn B đang buộc bên bờ sông không có người trông coi, N đã nảy ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. N đã tháo sợi dây thừng neo giữ thuyền rồi đưa xe máy lên thuyền và đẩy thuyền ra giữa sông rồi chèo thuyền đi dọc theo bờ sông để tìm nơi tiêu thụ số tài sản vừa trộm cắp được. Khi N chèo thuyền đi khoảng 9km đến địa phận bản Pù Bau, xã Chiềng Ngàm, huyện Thuận Châu, N cho thuyền dạt vào bờ buộc dây giữ thuyền vào một gốc cây ven bờ sông rồi nằm ngủ trên thuyền. Đến khoảng 05 giờ ngày 09-12-2017, khi đang ngủ trên thuyền của ông B thì bị tổ công tác Công an xã Chiềng Ngàm phát hiện và đưa N cùng vật chứng về trụ sở UBND xã Chiềng Ngàm để làm việc.

Bản cáo trạng số : 29/CT-VKS ngày 22-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố Lường Văn N về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lường Văn N về tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lường Văn N phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 71; Điều 74; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS Bộ luật hình sự 1999; khoản 1 Điều 7 BLHS năm 2015 : Đề nghị xử phạt bị cáo Lường Văn N mức án từ 4 đến 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách là 12 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21-3-2018.

Bị cáo là người dưới 18 tuổi Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo được quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS năm 1999.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc thuyền trị giá 6.500.000đ cho bị hại ông Quàng Văn B và một chiếc xe mô tô trị giá 800.000đ cho bị hại anh Lò Văn L.

Gia đình bị cáo Lường Văn N có giấy chứng nhận hộ cận nghèo được UBND xã Chiềng N huyện T, tỉnh Sơn La xác nhận. Do vậy Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lường Văn N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Lường Văn N: Nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người dưới 18 tuổi, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân bị cáo sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, dân tộc ít người, không được học hành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138;

điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 71; Điều 74 khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999: Đề nghị cho bị cáo Lường Văn N được hưởng mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Ý kiến của bị cáo và của người đại diện hợp pháp của bị cáo : Nhất trí như luận cứ bào chữa của vị luật sư không có ý kiến bổ sung, bị cáo Nguyễn đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo sớm được trở lại cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp và luật sư bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 08-12-2017, Lường Văn N có hành vi cố ý trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó: 01 (một) chiếc thuyền có giá trị 6.500.000đ và 01 (một) chiếc xe mô tô không có BKS, nhãn hiệu DETECH, không rõ số khung, số máy có giá trị 800.000đ.

[3] Xét về lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay đều thống nhất hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó có đầy đủ điều kiện, đủ căn cứ kết luận bị cáo Lường Văn Nguyễn phạm tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tại khoản 1, 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

"5. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng".

[4] Xét về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xác định : Qua xác minh của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu thể hiện : Bị cáo được sinh tại nhà không đến các cơ sở y tế để sinh đẻ, từ khi sinh ra đến thời điểm xét xử bị cáo không làm thủ tục khai sinh, bị cáo không được đi học. Tại sổ hộ khẩu gia đình

xác định bị cáo sinh năm 2000. Qua lời khai của mẹ bị cáo là chị Lường Thị M và qua lời khai của người làm chứng là chị Cà Thị D là người đỡ đẻ và chị Lò Thị N là người phụ giúp đỡ đẻ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều khai sinh tháng 3 năm 2000 không nhớ rõ ngày sinh. Do đó xác định bị cáo sinh ngày 31-3-2000, tại thời điểm xét xử bị cáo 17 tuổi 11 tháng 10 ngày vận dụng Điều 417 BLTTHS năm 2015.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi: Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục trong công tác phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Bản thân bị cáo tuổi đời còn trẻ là người sống ở vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn của huyện Thuận Châu, không được học hành nên khả năng nhận thức về xã hội rất hạn chế, bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng nên cũng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

[7] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

[8] Xét nhân thân bị cáo Lường Văn N khi phạm tội và thời điểm khi đưa ra xét xử bị cáo là vị thành niên dưới 18 tuổi, tuổi còn trẻ suy nghĩ còn bồng bột, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế cần áp dụng đối với bị cáo chương X những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội (các Điều 68, 69, 71 và 74 BLHS năm 1999).

[9] Cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh các loại tội phạm trong giai đoạn hiện nay đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta, giúp cho bị cáo được hòa nhập cộng đồng thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị kết hợp giáo dục cải tạo.

[10] Xét đơn xin bảo lãnh của gia đình và của chính quyền địa phương, lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, của bị cáo, của người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa đều đề nghị cho bị cáo được hưởng mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận. Không cần cách ly bị cáo, mà giao bị cáo cho UBND nơi cư trú và gia đình trực tiếp giám sát, giáo dục vận dụng khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[11] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc thuyền có giá trị 6.500.000 cho bị hại ông Quàng Văn B và một chiếc xe mô tô trị giá 800.000đ cho bị hại anh Lò Văn L. Bị hại anh Lò Văn L, ông Quàng Văn B đã nhận lại tài sản Lường Văn N chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do đó vấn đề bồi thường dân sự không đặt ra

[12] Đối với người thanh niên tên C (N không biết họ tên, địa chỉ cụ thể), theo Lường Văn N khai nhận là người xúi giục N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Quàng Văn B, Qua quá trình điều tra xác định là Tòng Văn C, sinh năm 1994, trú tại bản P, xã C, huyện T. Tuy nhiên Tòng Văn C không thừa nhận được xúi giục N trộm cắp chiếc thuyền máy của ông B. Ngoài lời khai của Lường Văn N, cơ quan điều tra không thu thập thêm được tài liệu chứng cứ khác chứng minh Tòng văn C có hành vi xúi giục người khác trộm cắp tài sản. Do đó, không đủ căn cứ xử lý Tòng Văn C về tội trộm cắp tài sản với vai trò là người đồng phạm.

[13] Về án phí: Gia đình bị cáo Lường Văn N có giấy chứng nhận hộ cận nghèo được UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La xác nhận. Do vậy Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lường Văn Nguyễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo : Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Lường Văn N, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lường Văn N, những người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lường Văn N phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 69; Điều 71; Điều 74; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS Bộ luật hình sự 1999; khoản 1 Điều 7 BLHS năm 2015 :

Xử phạt bị cáo Lường Văn N 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 21-3-2018).

Giao bị cáo Lường Văn N cho UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Lường Văn N có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Lường Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lường Văn N.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 :

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Lường Văn N, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lường Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại anh Lò Văn L, ông Quàng Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã C, huyện T;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người ĐDHP
- Người bào chữa
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lường Tiến Hải